

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2018

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Chánh;**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17-5-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Tạm trú: Ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh; (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Anh Kim Rát T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-4-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày:

Vào ngày 10/02/2011, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Kim Rát T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 và Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014 đang sống chung với chị, nhưng con chung chị nhờ mẹ ruột chăm sóc dùm chị đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới chị về sống bên gia đình chồng, do chồng không lo làm ăn để lo cho gia đình, vợ chồng sống chung lâu ngày mất dần hạnh phúc, không còn thương và quan tâm lo lắng cho nhau, 02 năm trở lại đây mọi chi tiêu gia đình anh T không phụ giúp từ đó vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung từ ngày 15/3/2016 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ.

Chị Thạch Thị S yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Kim Rát T.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 và Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014, không yêu cầu anh Kim Rát T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2018 bị đơn anh Kim Rát T trình bày:

Anh và chị S kết hôn năm 2011 có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 đang ở bên vợ đi học, còn Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014 đang sống chung với anh.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Hiện nay anh và chị S không còn sống chung vợ chồng 02 năm nay (khoảng năm 2016), chị S đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh ít khi về thăm gia đình, còn anh ở lại nhà. Từ ngày ly thân cho đến nay anh cũng có gặp chị S nhưng lâu lâu chị S về quê mới gặp, vợ chồng gặp mặt cũng ít nói chuyện, không có ở chung nhà và cũng không có ngủ chung giường, chị S về bên gia đình vợ, không có qua nhà anh. Nay anh không đồng ý ly hôn, mặc dù thời gian ly thân đã lâu nhưng anh thống nhất để cho chị S đi làm khi nào chị S về thì vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại để nuôi con. Sau này chị S về mà không sống bên nhà anh muốn sống bên gia đình vợ cũng được, anh tới lui. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị S ly hôn anh xin được nuôi con tên Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014, không yêu cầu chị S cấp dưỡng, còn con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 anh đồng ý giao cho chị S nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung không có

Anh Kim Rát T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị S cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Trích lục kết hôn bản sao; Trích lục 02 giấy khai sinh con; 01 chứng minh nhân dân tên Thạch Thị S; 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); Bị đơn cung cấp chứng minh nhân dân (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị S và anh Kim Rát T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con chung: Anh Kim Rát T thống nhất giao con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 cho chị Thạch Thị S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Kim Rát T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị S và anh Kim Rát T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Kim Rát T, anh T không đồng ý ly hôn mà xin hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Chị Thạch Thị S yêu cầu được nuôi con chung tên Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Kim Rát T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Kim Rát T có hộ khẩu thường trú ở ấp M, xã N, huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thạch Thị S và anh Kim Rát T kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ ngày 15/3/2016 cho đến nay. Bị đơn anh T thừa nhận vợ chồng đã ly thân 02 năm (năm 2016) cho đến nay, hiện tại chị S đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, còn anh sống ở nhà, vợ chồng lâu lâu mới gặp 01 lần, không có ngủ chung nhưng anh không đồng ý ly hôn xin hàn gắn đoàn tụ. Chị S cương quyết xin được ly hôn với anh T, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị S được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 và Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014; anh T thống nhất giao con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 cho chị S tiếp tục

nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận này của chị S và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị S không có yêu cầu.

Còn con chung tên Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014 chị S và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay con chung Ngọc H đang sống chung với anh T và bà Sơn Thị Ngọc X là mẹ của chị S trình bày chị S đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh ít khi về, con chung tên Kim Thị Ngọc T1 bà đang chăm sóc dùm chị S, còn con chung tên Kim Thị Ngọc H đang sống chung với cha (anh T). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T, do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Thạch Thị S và anh Kim Rát T thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị S.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Kim Rát T.

2. Về con chung: Anh Kim Rát T đồng ý giao con chung tên Kim Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/01/2012 cho chị Thạch Thị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh Kim Rát T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Thạch Thị S không có yêu cầu.

Giao con chung tên Kim Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/2014 cho anh Kim Rát T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Thạch Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Kim Rát T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Thạch Thị S và anh Kim Rát T thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Thạch Thị S và anh Kim Rát T thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015439, ngày 17-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Thạch Thị S đã nộp đủ án phí.

Anh Kim Rát T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

